

BÀI 2: CÁC GIỚI SINH VẬT

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Nêu được 5 giới sinh vật, đặc điểm của từng giới. Giải thích được các tiêu chí phân chia sinh giới thành các giới sinh vật.
- + Phân tích được sơ đồ phát sinh giới Thực vật, giới Động vật.
- + Nêu được sự đa dạng của thế giới sinh vật.

❖ Kỹ năng

- + Rèn luyện kỹ năng phân tích hình: Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Động vật, giới Thực vật.
- + Rèn kỹ năng so sánh các giới sinh vật, từ đó xác định được đặc điểm chung của từng giới.
- + Rèn kỹ năng đọc sách, xử lý thông tin qua việc đọc SGK và phân tích các kênh chữ.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

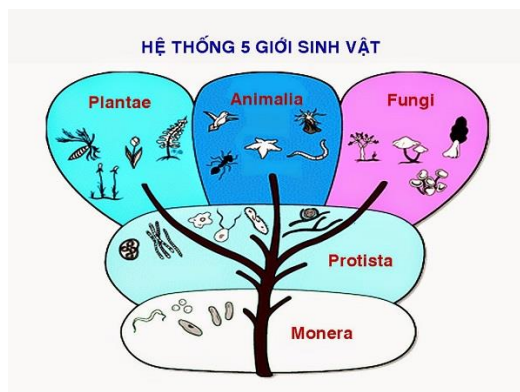
1. Giới và hệ thống phân loại 5 giới

1.1. Khái niệm giới

Giới sinh vật (regnum) là đơn vị phân loại lớn nhất, bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.

1.2. Hệ thống phân loại 5 giới

- Giới khởi sinh (Monera) → Tế bào nhân sơ.
 - Giới Nguyên sinh (Protista)
 - Giới Nấm (Fungi)
 - Giới Thực vật (Plantae)
 - Giới Động vật (Animalia)
- } → Tế bào nhân thực.



Hình 2.1: Hệ thống phân loại 5 giới

• Trong phân loại sinh học, một giới (king-dom hay regnum) là một đơn vị phân loại ở cấp cao nhất (theo lịch sử), hoặc là cấp ngay dưới lãnh giới (trong hệ thống ba lãnh giới mới). Mỗi giới được phân chia thành các nhóm nhỏ hơn, gọi là ngành (nói chung là “phylum” nhưng đối với thực vật thì hay dùng “division”).

• Theo truyền thống, sinh vật được phân loại gồm động vật, thực vật, khoáng vật như trong *Systema Naturae*. Sau khi phát hiện ra kính hiển vi, nhiều cố gắng được thực hiện nhằm xếp đặt vi sinh vật vào hệ thống phân loại. Năm 1866, Ernst Haeckel đề xuất hệ thống ba giới với sự bổ sung Protista chứa phần lớn các vi sinh vật như là một giới mới. Sau này người ta thấy rằng giới Protista của Haeckel là quá đa dạng để có thể coi là một giới.

• Năm 1969, Robert Whittaker công bố hệ thống năm giới do ông đề xuất để phân loại các sinh vật.

• Ngoài hệ thống phân loại 5 giới, hiện tại, các tài liệu về phân loại tại Hoa Kỳ sử dụng hệ thống 6 giới: động vật (Animalia), thực vật (Plantae), nấm (Fungi), sinh vật nguyên sinh (Protista), vi khuẩn cổ (Archaea), vi khuẩn (Bacteria).

2. Đặc điểm chính của mỗi giới

2.1. Giới khởi sinh (Monera)

- Gồm những loài vi khuẩn là những sinh vật nhân sơ có kích thước nhỏ 1 – 5 μm .
- Phương thức sống đa dạng: tự dưỡng hay dị dưỡng.

2.2. Giới nguyên sinh (Protista)

- Gồm: Tảo, Nấm nhày và Động vật nguyên sinh.
- + Tảo: sinh vật nhân thực; đơn bào, đa bào; hình thức sống quang tự dưỡng (cơ thể có diệp lục).
- + Nấm nhày: sinh vật nhân thực; cơ thể tồn tại 2 pha đơn bào và hợp bào; hình thức sống dị dưỡng, hoại sinh.
- + Động vật nguyên sinh: sinh vật nhân thực; đơn bào; hình dạng đa dạng; sống dị dưỡng.

2.3. Giới Nấm (Fungi)

- Gồm những sinh vật nhân thực; đơn bào hoặc đa bào; thành tế bào chứa kitin.
- Sinh sản hữu tính và vô tính (nhờ bào tử).
- Hình thức sống dị dưỡng: hoại sinh, kí sinh, cộng sinh.

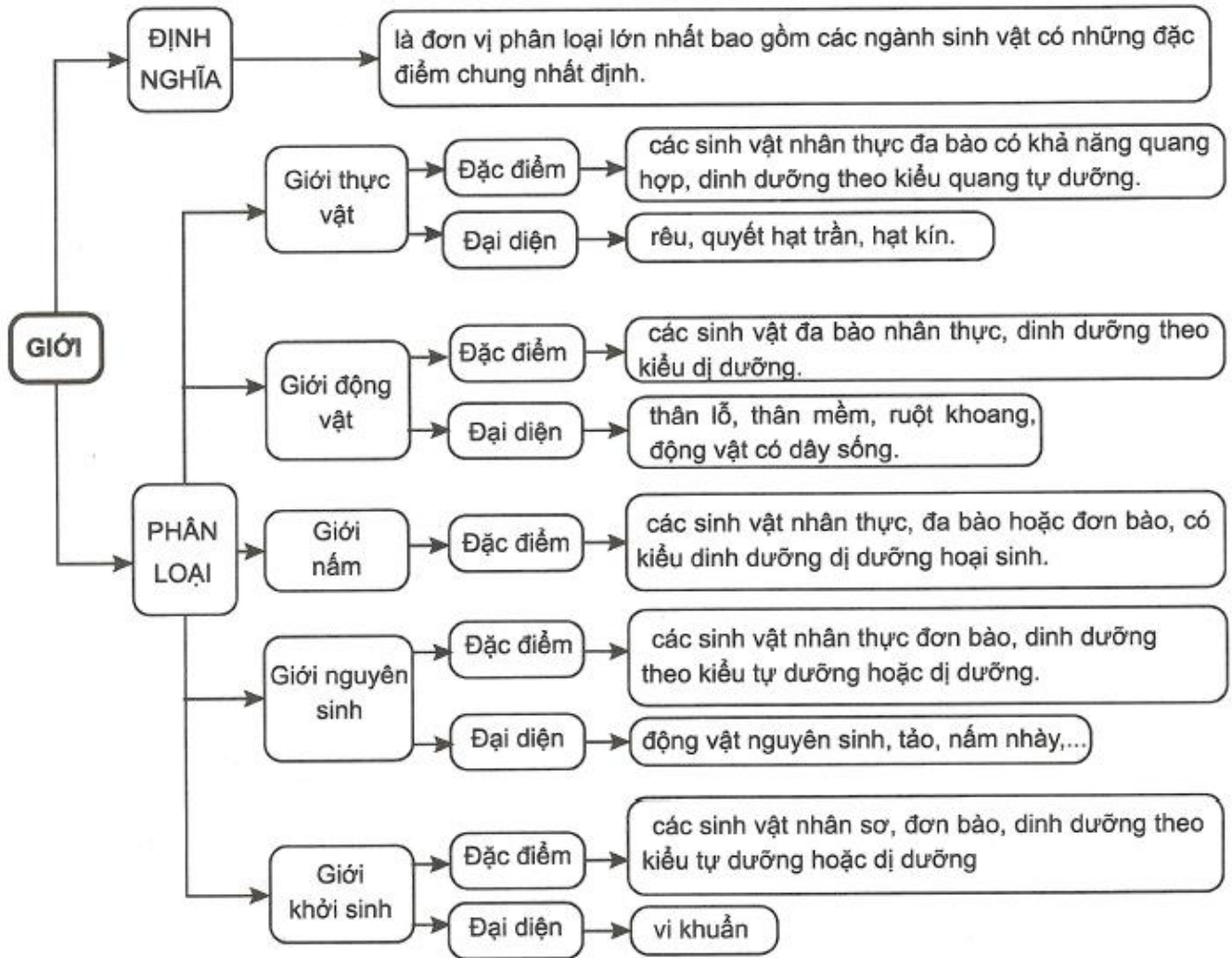
2.4. Giới thực vật (Plantae)

- Gồm: Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.
- Sinh vật nhân thực; đa bào; thành phần tế bào cấu tạo bằng xenlulôzơ.
- Hình thức sống: sống cố định, tự dưỡng do có khả năng quang hợp (có diệp lục).

2.5. Giới động vật (Animalia)

- Gồm: Thân lỗ, Ruột khoang, Giun dẹp, Giun tròn, Giun đốt, Thân mềm, Chân khớp, Da gai và Động vật có dây sống.
- Sinh vật nhân thực; đa bào; có cấu trúc phức tạp với các cơ quan và hệ cơ quan chuyên hóa cao.
- Hình thức sống: dị dưỡng và có khả năng di chuyển.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG HÓA



II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

Ví dụ mẫu

Ví dụ 1 (Câu 1 – SGK trang 12): Những giới sinh vật nào gồm các sinh vật nhân thực?

- A. Giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Thực vật, giới Động vật.
- B. Giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật.
- C. Giới Khởi sinh, giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật.
- D. Giới Khởi sinh, giới Nấm, giới Nguyên sinh, giới Động vật.

Hướng dẫn giải

Những giới sinh vật gồm các sinh vật nhân thực là: giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật và giới Động vật.

Chọn B.

Ví dụ 2 (Câu 2 – SGK trang 13) Hãy trình bày đặc điểm chính của giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh và giới Nấm.

Hướng dẫn giải

- Giới Khởi sinh (Monera)

+ Gồm những loài vi khuẩn là những sinh vật nhân sơ có kích thước nhỏ 1 – 5 μm .

+ Phương thức sống đa dạng: tự dưỡng hay dị dưỡng.

- Giới Nguyên sinh (Protista)

Gồm: Tảo, Nấm nhày và Động vật nguyên sinh.

+ Tảo: sinh vật nhân thực; đơn bào, đa bào; hình thức sống quang tự dưỡng (cơ thể có diệp lục).

+ Nấm nhày: sinh vật nhân thực; cơ thể tồn tại 2 pha đơn bào và hợp bào; hình thức sống dị dưỡng, hoại sinh.

+ Động vật nguyên sinh: sinh vật nhân thực; đơn bào; hình dạng đa dạng; sống dị dưỡng.

- Giới Nấm (Fungi)

+ Gồm những sinh vật nhân thực; đơn bào hoặc đa bào; thành tế bào chứa kitin.

+ Sinh sản hữu tính và vô tính (nhờ bào tử).

+ Hình thức sống dị dưỡng: hoại sinh, kí sinh, cộng sinh.

Ví dụ 3 (Câu 3 – SGK trang 13): Sự khác biệt cơ bản giữa giới Thực vật và giới Động vật

A. Giới Thực vật gồm những sinh vật tự dưỡng, giới Động vật gồm những sinh vật dị dưỡng.

B. Giới Thực vật gồm những sinh vật sống cố định, cảm ứng chậm; giới Động vật gồm những sinh vật cảm ứng nhanh và có khả năng di chuyển.

C. Giới Thực vật gồm 4 ngành chính nhưng giới Động vật gồm 7 ngành chính.

D. Cả A và B.

Hướng dẫn giải

Sự khác biệt cơ bản giữa giới Thực vật và giới Động vật là:

- Giới Thực vật gồm những sinh vật tự dưỡng, giới Động vật gồm những sinh vật dị dưỡng.

- Giới Thực vật gồm những sinh vật sống cố định, cảm ứng chậm; giới Động vật gồm những sinh vật phản ứng nhanh và có khả năng di chuyển.

Chọn D

Ví dụ 4: Các đặc điểm nào sau đây là của giới Động vật

(1) Cơ thể phân hóa thành mô, cơ quan, hệ cơ quan.

(2) Đa bào, nhân thực, sống dị dưỡng và di động được.

(3) Có khả năng sống tự dưỡng và có khả năng di động.

(4) Có hệ thần kinh và phản ứng nhanh trước kích thích của môi trường.

A. 1, 2, 3.

B. 2, 3, 4.

C. 1, 2, 4.

D. 1, 3, 4.

Hướng dẫn giải

Xét sự đúng – sai của từng phát biểu:

(1) Đúng. Giới Động vật có đặc điểm là cơ thể được phân chia thành các mô, cơ quan, hệ cơ quan và chúng có mối quan hệ tác động qua lại tạo nên sự thống nhất hoàn chỉnh.

(2) Đúng. Giới Động vật có đặc điểm là nhân thực, đa bào, không tự tổng hợp được chất hữu cơ (dị dưỡng), hầu hết có khả năng di động.

(3) Sai. Động vật không thể tự tổng hợp được chất hữu cơ (hình thức dinh dưỡng là dị dưỡng).

(4) Đúng. Động vật có hệ thần kinh như dạng lưới, dạng ống và phản ứng nhanh trước kích thích của môi trường. Động vật trả lời các kích thích bằng phản xạ.

Chọn C.

Ví dụ 5: Các ngành chính trong giới Thực vật là

A. Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.

B. Rêu, Hạt trần, Hạt kín.

C. Tảo lục đa bào, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.

D. Quyết, Hạt trần, Hạt kín.

Hướng dẫn giải

Các ngành chính trong giới Thực vật là: Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.

Chọn A.

Ví dụ 6: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của vi sinh vật?

(1) Hầu hết đơn bào.

(2) Sinh trưởng, sinh sản nhanh.

(3) Phân bố rộng.

(4) Thích ứng cao với điều kiện sống.

(5) Có khả năng chịu nhiệt và chịu lạnh tốt.

(6) Quan sát được bằng mắt thường.

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Hướng dẫn giải

Xét sự đúng – sai từng phát biểu:

(1) Đúng. Các vi sinh vật hầu hết là đơn bào, chưa có nhân hoàn chỉnh.

(2) Đúng. Các vi sinh vật có kích thước nhỏ nên chúng trao đổi chất với môi trường nhanh vì vậy quá trình sinh trưởng, sinh sản diễn ra nhanh chóng.

(3) Đúng. Các vi sinh vật phân bố khắp nơi trên Trái Đất.

(4) Đúng. Vi sinh vật có khả năng thích ứng cao với nhiều điều kiện sống, có khả năng tồn tại ở nhiều môi trường khác nhau.

(5) Đúng. Vi sinh vật được chia thành các nhóm ưa nhiệt, ưa lạnh,...

(6) Sai. Vi sinh vật chỉ được quan sát dưới kính hiển vi.

Chọn D.

Ví dụ 7: Đặc điểm của giới Khởi sinh là

A. đơn bào, nhân sơ, kích thước nhỏ, sinh sản nhanh, phương thức sống đa dạng.

B. đơn bào, nhân thực, kích thước nhỏ, sống dị dưỡng.

- Trang 6 -
- <https://thi247.com/>

Câu 4: Các đặc điểm nào sau đây thuộc giới Thực vật?

- (1) Sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng khi môi trường có giàu chất dinh dưỡng.
- (2) Sống tự dưỡng, quang tổng hợp và không di động.
- (3) Tế bào nhân thực, thành tế bào có thấm xenlulôzơ.
- (4) Có hệ mạch để dẫn nước, muối khoáng trong quá trình trao đổi chất.

A. 1, 2, 4. B. 1, 3, 4. C. 1, 2, 3. D. 2, 3, 4.

Câu 5: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của giới Nguyên sinh?

- (1) Nhân thực.
- (2) Đơn bào hoặc đa bào
- (3) Phương thức dinh dưỡng đa dạng
- (4) Có khả năng chịu nhiệt tốt
- (5) Sinh sản vô tính hoặc hữu tính

A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 6: Sự đa dạng của vi sinh vật thể hiện chủ yếu ở

A. hình thức sinh sản. B. phương thức sống. C. cách thức phân bố. D. khả năng thích ứng.

Câu 7: Loại nấm được dùng để sản xuất rượu trắng, rượu vang, bia, làm nở bột mì, tạo sinh khối thuộc nhóm nấm nào sau đây?

A. Nấm sợi. B. Nấm đảm. C. Nấm nhầy. D. Nấm men.

Câu 8: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây thuộc ngành Rêu?

- (1) Chưa có hệ mạch.
- (2) Thụ tinh nhờ gió.
- (3) Tinh trùng không roi.
- (4) Thụ tinh nhờ nước.
- (5) Có nguồn gốc từ tảo lục đa bào nguyên thủy.

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 9: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của ngành Hạt kín?

- (1) Có hệ mạch phát triển.
- (2) Thụ tinh kép.
- (3) Hạt được bảo vệ trong quả.
- (4) Hạt không được bảo vệ.
- (5) Tinh trùng không roi.

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 10: Thực vật thích nghi với đời sống dưới nước **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hệ mạch dẫn phát triển.
- B. Thụ phấn nhờ gió, nước, côn trùng.
- C. Thụ tinh kép, hình thành nội nhũ nuôi phôi.

D. Tạo thành hạt và quả để bảo vệ, duy trì nòi giống.

Câu 11: Có bao nhiêu phát biểu sau đây nói về vai trò Thực vật?

- (1) Tổng hợp chất hữu cơ cung cấp cho giới Động vật.
- (2) Điều hòa khí hậu (thải O_2 , hút CO_2 và các khí độc).
- (3) Cung cấp gỗ, củi và dược liệu cho con người.
- (4) Hạn chế xói mòn, lũ lụt, giữ nước ngầm.

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 1.

Câu 12: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của giới Động vật?

- (1) Cơ thể phân hóa thành mô, cơ quan, hệ cơ quan.
- (2) Đa bào, nhân thực, sống dị dưỡng và di động được.
- (3) đẻ con và nuôi con bằng sữa.
- (4) Có hệ thần kinh và phản ứng nhanh trước kích thích của môi trường.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 13: Những phát biểu nào sau đây nói về sự đa dạng của giới sinh vật?

- (1) Đa dạng về loài, về nguồn gen.
- (2) Đa dạng về lưới và chuỗi thức ăn.
- (3) Đa dạng về hệ sinh thái.
- (4) Đa dạng về sinh quyển.

A. (1), (2), (3).

B. (1), (2), (4).

C. (1), (3), (4).

D. (2), (3), (4).

Câu 14: Trong các loài sau đây, loài thuộc giới Khởi sinh là

A. trùng giày.

B. trùng kiết lị.

C. trùng sốt rét.

D. vi khuẩn lao.

Câu 15: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây là của động vật có xương sống?

- (1) Có bộ xương trong bằng sụn hoặc bằng xương.
- (2) Hô hấp bằng mang hoặc bằng phổi.
- (3) Hệ thần kinh dạng ống nằm ở lưng.
- (4) Bộ xương ngoài (nếu có) bằng kitin.
- (5) Hệ thần kinh dạng hạch hoặc dạng chuỗi hạch.

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 16: Thế nào là đa dạng sinh học? Nêu các biện pháp cơ bản để bảo vệ đa dạng sinh học?

ĐÁP ÁN

1-A	2-B	3-C	4-D	5-B	6-B	7-D	8-B	9-C	10-A
11-B	12-D	13-A	14-D	15-C					

Câu 16:

- Đa dạng sinh học thể hiện ở sự đa dạng loài, quần xã, hệ sinh thái. Trong đó, đa dạng sinh học thể hiện rõ nhất ở số lượng loài sinh vật. Các loài lại thể hiện sự đa dạng về hình thái và tập tính thích nghi chặt chẽ với điều kiện sống của môi trường sống.

-
- Biện pháp cơ bản bảo vệ đa dạng sinh học:
 - + Tuyên truyền giáo dục trong nhân dân.
 - + Nghiêm cấm khai thác rừng, săn bắn và buôn bán động vật bừa bãi.
 - + Chống ô nhiễm môi trường.
 - + Thuần hóa, lai tạo giống để tăng độ đa dạng sinh học và tăng độ đa dạng về loài.